

THÔNG TIN TÓM TẮT

VỀ NHỮNG KẾT LUẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN TIỀN SỸ

1. Đề tài luận án: “ Quản trị vốn lưu động tại các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty 319”

Chuyên ngành: *Tài chính- Ngân hàng*

Mã số: *9.34.02.01*

2. Họ và tên NCS: Hà Quốc Thắng

3. Họ và tên cán bộ hướng dẫn khoa học:

PGS.,TS. Nguyễn Văn Nam

4. Những kết luận mới của luận án:

4.1. Những đóng góp mới về mặt lý luận

- Về mặt lý luận, luận án góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận liên quan đến quản trị vốn lưu động, gắn lý luận về quản trị vốn lưu động với đặc thù các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực xây lắp như xác định nhu cầu vốn lưu động theo giai đoạn thi công công trình, quản trị hàng tồn kho theo phương pháp cấp trực tiếp đến chân công trình... Đồng thời lựa chọn mô hình kinh tế lượng trên cơ sở các biến phù hợp để đánh giá tác động của quản trị vốn lưu động đến hiệu quả kinh doanh (chỉ tiêu ROE).

- Luận án nghiên cứu các bài học kinh nghiệm quản trị vốn lưu động của các doanh nghiệp xây lắp nước ngoài, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc quản trị vốn lưu động đối với các DN Việt Nam.

4.2. Những đóng góp mới về phân tích đánh giá thực trạng

Luận án góp phần đánh giá đúng thực trạng quản trị vốn lưu động tại các doanh nghiệp xây lắp thuộc Tổng công ty 319 trong giai đoạn 2012-2017, trong đó những vấn đề bất cập trong quản trị vốn lưu động như:

+ Công tác quản trị vốn lưu động của các DN thuộc TCT 319 chưa được quan tâm đúng mức, nhất là khối các DN cổ phần. Các DN chưa xác định được mức tồn quỹ tối ưu, chi phí tồn kho lớn trong đó tập trung vào chi phí dở dang. Bên cạnh đó, các DN khối TNHH một thành viên có công tác quản trị vốn lưu động và hiệu quả kinh doanh tốt hơn khối các DN cổ phần. Những phát hiện này làm cơ sở cho NCS xây dựng mô hình kinh tế lượng để đánh giá ảnh hưởng quản trị vốn lưu động đến hiệu quả kinh doanh.

+ Kết quả thực nghiệm thông qua mô hình kinh tế lượng cho thấy, thời gian tồn kho, thời gian thu tiền, thời gian trả tiền, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt tác động ngược

chiều lên ROE. Các doanh nghiệp có tỷ lệ sở 100% vốn nhà nước có hiệu quả kinh doanh cao hơn với các DN cổ phần, điều này đang đi ngược với xu thế các DN nhà nước sau cổ phần hoá.

4.3. Những đóng góp mới về giải pháp đề xuất

Trên cơ sở chiến lược, định hướng phát triển của các DN xây lắp thuộc TCT 319, gắn với điều kiện kinh tế xã hội giai đoạn 2020-2025 và kinh nghiệm quản trị vốn lưu động của các DN xây dựng trên thế giới, luận án đã đề xuất các giải pháp mới phù hợp, khả thi nhằm hoàn thiện quản trị vốn lưu động tại các DN xây lắp thuộc TCT 319. Luận án xác định rõ nhu cầu vốn lưu động theo phương pháp trực tiếp, lấy nhu cầu vốn lưu động của từng công trình làm cơ sở; Đẩy mạnh quản trị vốn lưu động các DN sau cổ phần hoá; Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch lưu chuyển tiền tệ gắn với dự toán các công trình trúng thầu và tiến độ thi công các công trình... Đồng thời đề xuất các kiến nghị làm cơ sở thực hiện có hiệu quả các giải pháp. Các giải pháp này có thể áp dụng đối với các DN xây lắp ngoài Tổng công ty 319, nhất là các DN xây lắp thuộc Bộ Quốc phòng.

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2019

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU SINH

PGS.,TS. NGUYỄN VĂN NAM

HÀ QUỐC THẮNG

